

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2023/DS-ST

Ngày: 19/9/2023

*V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Thanh Tùng

Ông Trịnh Văn Lộc.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần B;

Địa chỉ: Tòa nhà L, số Y đường T, phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông T1 – Tổ trưởng khách hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh Sóc Trăng - Phòng giao dịch V (Quyết định ủy quyền số: 341/2023/QĐ-L.ST ngày 28/3/2023, có mặt);

Địa chỉ: Đường Y khóm U, Phường X, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông T2, sinh năm 1999 (vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: Khóm R, Phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà Z đường T, khóm T, Phường X, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2023 của nguyên đơn và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Ngày 01/7/2021, Ngân hàng TMCP B (L) cùng với ông T2 đã ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số khách hàng 04701097 hạn mức là: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay 7,5%/năm. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/9/2023 ông T2 đã sử dụng hạn mức và phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP B tổng cộng vốn và lãi với số tiền là 19.653.678 đồng (mười chín triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó: Vốn gốc là 9.701.839 đồng; lãi trong hạn là 9.033.196 đồng; lãi quá hạn là 918.643 đồng.

- Ngày 21/02/2022, Ngân hàng TMCP B (L) cùng với ông T2 đã ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế mã số khách hàng 04701097, hạn mức là: 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay 7,5%/năm. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/9/2023 ông T2 đã sử dụng hạn mức và phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP B tổng cộng vốn và lãi là 181.017.181 đồng (một trăm tám mươi một triệu không trăm mười bảy nghìn một trăm tám mươi một đồng). Trong đó: Vốn gốc là 114.000.000 đồng; lãi trong hạn là 65.665.105 đồng; lãi quá hạn là 1.352.076 đồng).

Tổng cộng 02 khoản vay nêu trên với số tiền là 200.670.859 đồng (hai trăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn tám trăm năm mươi chín đồng). Trong đó: Vốn gốc là 123.701.839 đồng; lãi trong hạn là 74.698.301 đồng; lãi quá hạn là 2.270.719 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc ông T2 phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/9/2023 tổng cộng vốn gốc và lãi với số tiền là 200.670.859 đồng (hai trăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn tám trăm năm mươi chín đồng). Trong đó: Vốn gốc là 123.701.839 đồng; lãi trong hạn là 74.698.301 đồng; lãi quá hạn là 2.270.719 đồng.

Kể từ ngày 20/9/2023 cho đến khi chưa thanh toán dứt điểm khoản vay hiện tại, ông T2 phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của các Hợp đồng sử dụng hạn mức nêu trên đã ký với Ngân hàng.

Đối với bị đơn ông T2: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp để kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập họp lệ đối với bị đơn ông T2 nhưng vẫn vắng mặt và không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy

định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho bị đơn ông T2 để biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T2 phải thanh toán nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 19/9/2023 tổng cộng vốn gốc và lãi với tổng số tiền là 200.670.859 đồng (hai trăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn tám trăm năm mươi chín đồng). Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn ông T2 đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T2 theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung:

[1] Xét thấy, các Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hạn mức ngày 01/7/2021 và ngày 21/02/2022 được ký kết giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B với bị đơn ông T2 được thiết lập bằng văn bản theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Mục đích vay vốn là tiêu dùng. Trong đó, bên cho vay, bên vay đã giao kết cụ thể rõ ràng về quyền, nghĩa vụ của các bên. Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp, do bên vay là bị đơn ông T2 vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đúng như hợp đồng đã được ký kết. Việc xác lập hợp đồng rõ ràng, bên vay và bên cho vay đã được ký kết tại các Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hạn mức quốc tế ngày 01/7/2021 và ngày 21/02/2022. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là những tình tiết nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không cần phải chứng minh.

Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B yêu cầu buộc bị đơn ông T2 phải có nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/9/2023 với tổng cộng với số tiền là 200.670.859 đồng (hai trăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn tám trăm năm mươi chín đồng). Trong đó: Vốn gốc là 123.701.839 đồng; lãi trong hạn là

74.698.301 đồng; lãi quá hạn là 2.270.719 đồng là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

[3.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Buộc bị đơn ông T2 phải có nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 19/9/2023 với số tiền tổng cộng là 200.670.859 đồng (hai trăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn tám trăm năm mươi chín đồng). Trong đó: Vốn gốc là 123.701.839 đồng; lãi trong hạn là 74.698.301 đồng; lãi quá hạn là 2.270.719 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20 tháng 9 năm 2023), ông T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hạn mức quốc tế ngày 01/7/2021 và ngày 21/02/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B được chấp nhận nên bị đơn ông T2 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 92, 144, 146, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Các Điều 90, 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (L).

Buộc bị đơn ông T2 phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tổng cộng số tiền là 200.670.859 đồng (hai trăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn tám trăm năm mươi chín đồng). Trong đó: Vốn gốc là 123.701.839 đồng; lãi trong hạn là 74.698.301 đồng; lãi quá hạn là 2.270.719 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20 tháng 9 năm 2023), ông T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số khách hàng 04701097 ngày 01/7/2021 và ngày 21/02/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông T2 phải chịu là 10.033.542 đồng (mười triệu không trăm ba mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng).

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp với số tiền là 4.568.000 đồng (bốn triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008017 ngày 02/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- VKSND TX Vĩnh Châu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- THADS TX Vĩnh Châu;
 - Phòng KTNV&THA
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
 - Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Phương